

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VP3
V/v góp ý dự thảo Quy hoạch không gian
biển quốc gia thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2045

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện văn bản số 3259/BTNMT-TCBHĐVN ngày 13/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xin ý kiến góp ý về dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là dự thảo Quy hoạch); Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định có ý kiến như sau:

1. Về nội dung, bố cục: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cơ bản nhất trí với dự thảo Quy hoạch.

2. Một số ý kiến góp ý đối với dự thảo Quy hoạch như sau:

2.1. Góp ý chung:

- Đề nghị rà soát, thống nhất lại tầm nhìn của Quy hoạch không gian biển quốc gia tại các văn bản:

+ Văn bản số 3259/BTNMT-TCBHĐVN ngày 13/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Dự thảo Tờ trình trình Chính phủ: Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt; Báo cáo tóm tắt; Báo cáo tổng hợp; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị Ban soạn thảo xem xét một số nội dung sau:

+ Ngày 19/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định đã có văn bản số 06/UBND-VP5 về việc thống nhất kết quả xác định khu quân sự và lập hợp phần Quy hoạch khu vực địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Nam Định, theo đó khu vực Cồn Lu, huyện Giao Thủy là khu vực địa hình có tầm quan trọng đặc biệt ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng với diện tích khoảng 400ha. Đề nghị đưa nội dung này vào quy hoạch không gian biển quốc gia.

+ Hiện nay, tỉnh Nam Định đang lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có nội dung tích hợp “Hiện trạng giai đoạn 2011-2020 và phương hướng phát triển các ngành kinh tế biển và tổ chức không gian biển tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Đề nghị Ban soạn thảo phối hợp với đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo sự thống nhất giữa quy hoạch không gian biển quốc gia với phương hướng phát triển các ngành kinh tế biển và tổ chức không gian biển tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Sau khi Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt sẽ là căn cứ quy hoạch đầu tiên để giao các khu vực biển nhất định cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ. Việc phân vùng quy hoạch cho các mục đích sử dụng tại vùng biển của 28 tỉnh có biển, đề nghị cơ quan lập quy hoạch cập nhật cụ thể trên bản đồ địa hình đáy biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường (hiện đã bàn giao cho 28 tỉnh có biển sử dụng để thực hiện công tác giao khu vực biển) nhằm tạo thuận lợi trong lồng ghép giữa sơ đồ khu vực biển đề nghị giao với khu vực biển quy hoạch trên bản đồ quy hoạch không gian biển quốc gia.

2.2. Góp ý cụ thể:

2.2.1. Đối với dự thảo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Ngày 18/02/2022, trên cơ sở ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định đã có văn bản số 482/STNMT-BKTTVBĐKH góp ý dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (lần 1); đề nghị Ban soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa theo nội dung văn bản này, trong đó có nội dung Văn bản số 1134/VPCP-KTTH ngày 25/2/2011 của Văn phòng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương cho thành lập và bổ sung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Nam Định với diện tích 13.950 ha vào Quy hoạch tổng thể phát triển các Khu kinh tế ven biển Việt Nam đến năm 2020, nằm trên địa bàn 2 huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu) và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1453/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020, trong đó bổ sung Khu kinh tế Ninh Cơ vào Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam đến năm 2020 quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Khu kinh tế Ninh Cơ có tổng diện tích khoảng 13.950 ha nằm trên địa bàn 2 huyện Nghĩa Hưng, Hải Hậu.

- Tại trang 3 mục III. Thông tin quy hoạch không gian biển: Do nội dung của Quy hoạch không gian biển rất rộng, mang tính bao quát, do đó trong phần phạm vi nghiên cứu đề nghị làm rõ hơn về phạm vi nghiên cứu chi tiết của từng nội dung trong quy hoạch.

- Tại trang 3 mục 1.2.1 nêu “phạm vi vùng đất ven biển²: là các đơn vị hành chính cấp huyện giáp biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển” và tại trang 5 mục 2. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch theo Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2020 nhưng tại phần phụ lục 1. Căn cứ lập quy hoạch (trang 293) không có Nghị quyết số 22/NQ-CP.

- Tại trang 6 mục 2.3. Mục tiêu lập quy hoạch: Chưa nêu mục tiêu tổng

quát, mục tiêu cụ thể và tầm nhìn đến năm 2050; trong khi dự thảo Tờ trình và Nghị quyết có nêu cụ thể.

- Từ trang 197 phần IV: Quy hoạch không gian biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Định hướng bố trí sử dụng không gian biển các hoạt động trong vùng ven biển chưa tách được nội dung thời kỳ 2021-2030 định hướng như thế nào; tầm nhìn đến năm 2050 ra sao?

- Trang 221 mục 8. Sắp xếp và tổ chức không gian cho phát triển công nghiệp ven biển đề nghị bổ sung như sau:

“8.1. Vùng biển phía Bắc:

Tiếp tục phát triển Hải Phòng, Quảng Ninh trở thành trung tâm công nghiệp biển của vùng. Nam Định xu hướng trở thành khu vực phát triển cảng biển, công nghiệp, đô thị du lịch, dịch vụ du lịch sinh thái. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực công nghiệp: công nghiệp sản xuất gang thép; công nghiệp cơ khí (sản xuất và lắp ráp ô tô; sửa chữa và đóng mới tàu, thuyền; cơ khí chế tạo); công nghiệp điện tử; chế biến thủy sản...”.

- Trang 238 mục VI. Phân vùng sử dụng biển nhưng trong dự thảo Tờ trình và Nghị quyết ghi “Phân vùng sử dụng không gian biển”. Nguyên tắc phân vùng, tiêu chí phân vùng nêu trong dự thảo tờ trình nhưng trong dự thảo Báo cáo tổng hợp không có. Tờ trình và Nghị quyết chưa có việc xử lý các vùng chồng lấn và quy định sử dụng các vùng.

- Trang 279 mục II. Danh mục dự án quan trọng: Đề nghị chỉ đề xuất các dự án phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý không gian biển trong thời kỳ quy hoạch (hoạt động điều tra cơ bản; hoàn thiện hệ thống thông tin; cơ sở dữ liệu về biển, hải đảo; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý không gian biển).

- Đề nghị xem xét bổ sung quy định về tuân thủ các quy định của Quy hoạch không gian biển (những hoạt động gì? hoặc quy mô dự án ở mức độ nào của địa phương phải lấy ý kiến Bộ Tài nguyên môi trường về sử dụng không gian biển?...).

2.2.2. Đối với Danh mục các vùng sử dụng không gian biển quốc gia

Tại điểm b, mục 2 của Danh mục các vùng sử dụng không gian biển quốc gia đề nghị bổ sung “Vùng ven biển Quát Lâm, diện tích 19.860 ha (Mười chín nghìn tám trăm sáu mươi héc ta)” vào khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, lý do: Theo quy định tại mục 4 phụ lục III Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì khu vực này là khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn (từ 01/4 đến 30/6 hàng năm).

2.2.3. Đối với dự thảo Nghị quyết về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Tại trang 4, Điều 2 dự thảo Nghị quyết có mục 4. Đối với hoạt động lấn biển và nhận chìm nhưng trong Tờ trình của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ không có mục này.

- Tại trang 5, Điều 3. Phân vùng sử dụng không gian biển: Cần nêu cụ thể các vùng hoặc có phần phụ lục kèm theo Nghị quyết để các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nắm được việc phân vùng và sắp xếp, bố trí vùng sử dụng.

2.2.4. Đối với dự thảo Tờ trình về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Tại trang 5, mục 2.1. Mục tiêu tổng quát: chưa đồng nhất với mục 2.3 trang 6 dự thảo Báo cáo tổng hợp.

- Tại trang 7:

+ Mục 4. Phạm vi quy hoạch: Đề nghị căn cứ vào khoản 3 Điều 3 Luật Quy hoạch 2017 nêu chính xác phạm vi không gian của quy hoạch không gian biển quốc gia (không có “thêm lục địa”).

+ Mục 5. Nguyên tắc lập quy hoạch: chưa đồng nhất với mục 2.2 trang 5 của dự thảo Báo cáo tổng hợp.

2.2.5. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)

- Trang 5, Phần Mở đầu, Căn cứ pháp lý:

+ Cập nhật Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (thay thế Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Bổ sung Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

+ Bổ sung Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Trang 15-Trang 17: Chương I, phần mối quan hệ của Quy hoạch với các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan: Đề nghị báo cáo liệt kê các quy hoạch, chiến lược có liên quan đến quy hoạch không gian biển và phân tích mối quan hệ của quy hoạch không gian biển với các quy hoạch được liệt kê.

- Chương II:

+ Số liệu về thành phần môi trường và số liệu điều kiện kinh tế xã hội đề nghị cập nhật số liệu mới nhất (theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định: Số liệu phải có chuỗi thời gian ít nhất là 5 năm tính đến thời điểm thực hiện ĐMC). Hiện nay số liệu nêu trong báo cáo ĐMC chưa đủ thời gian 5 năm theo quy định. Đề nghị bổ sung.

+ Thống nhất số liệu về số lượng khu kinh tế biển giữa trang 112 và trang 114 (trang 112 là 19 khu KTB, tuy nhiên tại bảng 2.15 chỉ liệt kê có 18 khu KTB).

- Chương III:

+ Trang 135, 142, 266: Cập nhật nội dung của Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Thống nhất số lượng vùng quy hoạch giữa các trang trong báo cáo (VD: trang 148, 151, 152 là 4 vùng; trang 149, 150 là 6 vùng).

+ Trang 154, mục b đề nghị làm rõ ý hơn, đặc biệt là việc nhận định “các thành phần môi trường và xã hội ở vùng biển bị tác động xấu lại chủ yếu từ các nguồn bên ngoài. Do vậy, không thể không xem xét, đánh giá sơ bộ và đề xuất các biện pháp kiểm soát các nguồn tác động từ bên ngoài...”.

+ Báo cáo chỉ tập trung đánh giá tác động tiêu cực, chưa đề cập đến tác động tích cực của quy hoạch, đề nghị bổ sung.

+ Trang 185: Bổ sung phần tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch theo hướng dẫn tại mẫu số 01b phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Trang 241: Lập 2 đoạn “Hoạt động 19: Hoạt động nhận chìm chất thải vào biển: với 13 điểm”.

+ Trang 244: Phần Đánh giá, dự báo tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại: Báo cáo mới nêu được các kịch bản biến đổi khí hậu chưa nêu được tác động của biến đổi khí hậu đến quy hoạch.

- Chương IV:

+ Trang 274: Đề nghị bổ sung giấy phép môi trường trong nội dung sau: “Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đặc biệt là các yêu cầu cụ thể về ngăn ngừa, xử lý nước thải, chất thải, các tác động xấu lên môi trường, trong đó có môi trường biển, trong quá trình khai thác khoáng sản”.

+ Trang 283: Đề nghị cập nhật các thủ tục môi trường hiện hành và sửa các nội dung sau: “Nghiên cứu, lập báo cáo ĐTM/giấy phép môi trường/đăng ký môi trường theo quy định”. Điều chỉnh dự án theo góp ý của chính quyền, nhân dân địa phương và cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM, giấy phép môi trường/đăng ký môi trường theo quy định”. Bổ sung việc lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường/GPMT trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

+ Trang 292: Nội dung “Theo Nghị định 08/2022 NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT các loại hình dự án trên đều thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), chưa kể một số loại hình có tiềm năng tác động nhẹ hơn nhưng nếu chiếm dụng từ 5 ha trở lên đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, từ 10 ha trở lên đối với rừng tự nhiên, từ 50 ha trở lên đối với các loại rừng khác hoặc chiếm dụng trên 10 ha đất lúa cũng phải lập báo cáo ĐTM”. Đề nghị xem lại cụm từ “hoặc chiếm dụng trên 10 ha đất lúa” vì theo quy định dự án chỉ cần thuộc đối tượng chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh (dưới 10 ha) cũng đã phải lập báo cáo ĐTM.

+ Trang 310: Hình 4.2. Cơ cấu tổ chức QLMT trong quá trình triển khai quy hoạch: Đề nghị bổ sung (UBND các tỉnh/thành phố ven biển hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh/thành phố ven biển).

+ Trang 311: phần c. Trách nhiệm của các tổ chức: sửa đoạn “Có thể thấy trên sơ đồ ở hình 4.1...” thành “Có thể thấy trên sơ đồ ở hình 4.2...”

+ Trang 313: Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố ven biển đề nghị sửa thành: “thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, thẩm định cấp giấy phép môi trường và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh/thành phố”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trân trọng tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Đ/c PCT TT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng